|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ðộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

***Dự thảo***

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030**

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ gồm 19 tiêu chí với 92 nội dung tiêu chí tương ứng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan thống kê Bộ, ngành gồm cơ quan thống kê tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước; cơ quan thống kê Trung ương, cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ quan thống kê cấp huyện; Đoàn đánh giá chất lượng thống kê; chuyên gia đánh giá chất lượng thống kê; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đánh giá chất lượng thống kê.

**Điều 3. Áp dụng tiêu chí, nội dung tiêu chí chất lượng thống kê**

1. Cơ quan thống kê Bộ, ngành áp dụng 19 tiêu chí với 85 nội dung tiêu chí.

2. Cơ quan thống kê Trung ương áp dụng 19 tiêu chí với 92 nội dung tiêu chí.

3. Cơ quan thống kê cấp tỉnh áp dụng 19 tiêu chí với 63 nội dung tiêu chí.

4. Cơ quan thống kê cấp huyện áp dụng 18 tiêu chí với 46 nội dung tiêu chí.

5. Tiêu chí và nội dung tiêu chí áp dụng đối với từng đối tượng được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này*.*

**Điều 4. Nguyên tắc đánh giá chất lượng thống kê**

Đánh giá chất lượng thống kê được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đánh giá toàn diện công tác thống kê thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

2. Đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác và đầy đủ.

**Điều 5. Mức đánh giá chất lượng và cách tính điểm của mỗi nội dung tiêu chí**

1. Mức đánh giá chất lượng của mỗi nội dung tiêu chí là mức chất lượng đạt được của mỗi nội dung tiêu chí.

2. Nội dung tiêu chí chất lượng được đánh giá theo 05 mức và điểm tương ứng như sau:

a) Mức 1. Không đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí, tương ứng là 1 điểm.

b) Mức 2. Đáp ứng một phần nhỏ yêu cầu của nội dung tiêu chí, tương ứng là 2 điểm.

c) Mức 3. Đáp ứng phần lớn yêu cầu của nội dung tiêu chí, tương ứng là 3 điểm.

d) Mức 4. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nội dung tiêu chí, tương ứng là 4 điểm.

đ) Mức 5. Đáp ứng cao hơn yêu cầu của nội dung tiêu chí, tương ứng là 5 điểm.

- Riêng đối với:

+ Nội dung tiêu chí 5.1 (có quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê) áp dụng 01 mức đánh giá và tương ứng là 5 điểm.

+ Nội dung tiêu chí 6.2 (có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ), nội dung tiêu chí 6.3 (có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê), nội dung tiêu chí 6.4 (có quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn), nội dung tiêu chí 7.3 (cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê), nội dung tiêu chí 17.1 (có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê), nội dung tiêu chí 17.5 (có quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô) áp dụng 03 mức đánh giá và tương ứng là 1 điểm, 4 điểm, 5 điểm.

3. Mức đánh giá chất lượng theo mỗi nội dung tiêu chí quy định cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Điểm chuẩn của mỗi nội dung tiêu chí**

1. Điểm chuẩn của mỗi nội dung tiêu chí là 4 điểm.
2. Tổng số điểm chuẩn áp dụng đối với từng đối tượng cụ thể như sau:

a) Cơ quan thống kê Bộ, ngành là 340 điểm.

b) Cơ quan thống kê Trung ương là 368 điểm.

c) Cơ quan thống kê cấp tỉnh là 252 điểm.

d) Cơ quan thống kê cấp huyện là 184 điểm.

**Điều 7. Tỷ lệ điểm đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ điểm đánh giá (%) | ­­­­­­­­­­­­­­­­­­  = | Tổng điểm đánh giá | × | 100 |
| Tổng số điểm chuẩn |

**Điều 8. Xếp loại chất lượng thống kê**

Chất lượng thống kê được xếp loại như sau:

a) Xếp loại Kém: Tỷ lệ điểm đánh giá dưới 50%.

b) Xếp loại Trung bình: Tỷ lệ điểm đánh giá từ 50% đến dưới 65%.

c) Xếp loại Khá: Tỷ lệ điểm đánh giá từ 65% đến dưới 80%.

d) Xếp loại Tốt: Tỷ lệ điểm đánh giá từ 80% đến 100%, trong đó tất cả các nội dung tiêu chí phải đạt từ mức 2 trở lên.

đ) Xếp loại Rất Tốt: Tỷ lệ điểm đánh giá trên 100%, trong đó tất cả các nội dung tiêu chí phải đạt từ mức 3 trở lên.

**Điều 9. Hình thức đánh giá chất lượng thống kê**

1. Tự đánh giá chất lượng được thực hiện hằng năm.

2. Đánh giá độc lập chất lượng thống kê được thực hiện 5 năm một lần.

3. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thống kê.

**Điều 10. Tự đánh giá chất lượng thống kê**

1. Tự đánh giá chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê do chính cơ quan thống kê đó thực hiện để đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan mình thường xuyên, toàn diện và có hệ thống.

2. Tự đánh giá chất lượng thống kê được thực hiện theo các bước:Thành lập nhóm tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; thu thập, xử lý, phân tích thông tin, tài liệu chứng minh; thực hiện đánh giá; biên soạn báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai hoạt động cải thiện chất lượng sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

3. Thủ trưởng cơ quan thống kê có trách nhiệm thực hiện việc tự đánh giá chất lượng thống kê hằng năm của cơ quan mình, trừ năm được đánh giá độc lập chất lượng thống kê.

4. Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng thống kê

a) Cơ quan thống kê Bộ, ngành gửi báo cáo về cơ quan thống kê Trung ương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

b) Cơ quan thống kê cấp tỉnh gửi báo cáo về cơ quan thống kê Trung ương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

c) Cơ quan thống kê cấp huyện gửi báo cáo về Cơ quan thống kê cấp tỉnh trước ngày 01 tháng 12 hằng năm.

**Điều 11. Đánh giá độc lập chất lượng thống kê**

1. Đánh giá độc lập chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê do cơ quan thống kê Trung ương thực hiện thông qua Đoàn đánh giá độc lập.

2. Trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương

a) Xây dựng, theo dõi, giám sát thực hiện kế hoạch đánh giá độc lập chất lượng thống kê hằng năm.

b) Thông báo kế hoạch đánh giá độc lập chất lượng thống kê tới cơ quan được đánh giá trước 60 ngày làm việc so với thời điểm bắt đầu tiến hành đánh giá độc lập.

c) Tổ chức thực hiện đánh giá độc lập chất lượng thống kê đối với cơ quan được đánh giá; thành lập Đoàn đánh giá độc lập.

d) Biên soạn, công bố báo cáo chất lượng thống kê quốc gia.

3. Trách nhiệm của cơ quan được đánh giá độc lập

a) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, dữ liệu liên quan và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác đánh giá độc lập.

b) Phản hồi bằng văn bản, gửi Đoàn đánh giá độc lập trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá độc lập; nêu rõ các ý kiến nhất trí, không nhất trí với bản dự thảo báo cáo đánh giá độc lập; trường hợp không nhất trí nội dung nào phải nêu rõ lý do và kèm theo các tài liệu chứng minh.

**Điều 12. Các bước đánh giá độc lập**

1. Xây dựng và phổ biến kế hoạch tiến hành đánh giá độc lập.

a) Đoàn đánh giá độc lập xây dựng kế hoạch tiến hành đánh giá độc lập trình Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương phê duyệt.

b) Kế hoạch tiến hành đánh giá độc lập phải được phổ biến trên trang thông tin điện tử của cơ quan thống kê Trung ương, đồng thời gửi đến cơ quan được đánh giá độc lập trước 60 ngày làm việc so với thời điểm bắt đầu tiến hành đánh giá độc lập.

2. Nghiên cứu hồ sơ, thu thập thông tin, tài liệu chứng minh phục vụ đánh giá.

a) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan của cơ quan được đánh giá.

b) Thu thập, xử lý thông tin, tài liệu chứng minh phục vụ đánh giá.

3. Khảo sát sơ bộ tại cơ quan được đánh giá.

4. Thực hiện đánh giá chính thức tại cơ quan được đánh giá.

5. Dự thảo báo cáo đánh giá độc lập

a) Biên soạn báo cáo đánh giá độc lập.

b) Lấy ý kiến của các thành viên Đoàn đánh giá độc lập: Dự thảo báo cáo đánh giá độc lập phải được ít nhất là 2/3 số thành viên của Đoàn đánh giá độc lập nhất trí thông qua.

c) Gửi dự thảo báo cáo đánh giá độc lập cho cơ quan được đánh giá. Thời hạn cơ quan được đánh giá có ý kiến phản hồi là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo. Quá thời hạn nói trên nếu cơ quan được đánh giá không có ý kiến bằng văn bản thì coi như là nhất trí hoàn toàn với dự thảo báo cáo đánh giá*.*

6. Hoàn thiện báo cáo đánh giá độc lập

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ quan được đánh giá, Đoàn đánh giá độc lập hoàn thiện dự thảo báo cáo; gửi thông báo cho cơ quan được đánh giá biết những ý kiến đã tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu phải nêu rõ lý do.

b) Đoàn đánh giá độc lập trình Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương xem xét, ký duyệt báo cáo.

7. Thông báo kết quả đánh giá độc lập đến cơ quan được đánh giá: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi báo cáo đánh giá được ký duyệt Đoàn đánh giá độc lập có trách nhiệm gửi báo cáo cho cơ quan được đánh giá bằng một trong hai hình thức văn bản giấy hoặc file điện tử.

**Điều 13. Đoàn đánh giá chất lượng**

1. Đoàn đánh giá chất lượng do Thủ trưởng cơ quan thống kê Trung ương quyết định thành lập.

2. Đoàn đánh giá chất lượng có ít nhất 07 thành viên, gồm: Trưởng đoàn, thư ký và các thành viên khác, trong đó có ít nhất 30% số thành viên là chuyên gia độc lập không thuộc biên chế của cơ quan thống kê Trung ương, 01 thành viên thuộc cơ quan được đánh giá độc lập.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Đoàn đánh giá chất lượng

a) Thành viên Đoàn đánh giá chất lượng là người có đạo đức tốt, trung thực và khách quan; có đủ sức khỏe đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được phân công.

b) Trưởng đoàn là lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở lên của cơ quan thống kê Trung ương, có thâm niên công tác trong ngành Thống kê từ 10 năm trở lên, có kinh nghiệm triển khai các hoạt động đánh giá chất lượng thống kê. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của Đoàn đánh giá chất lượng.

c) Thư ký là người am hiểu về đánh giá chất lượng thống kê, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực thống kê; có trách nhiệm giúp Trưởng đoàn chuẩn bị và triển khai các hoạt động của Đoàn đánh giá chất lượng.

d) Các thành viên còn lại là người am hiểu về đánh giá chất lượng thống kê, có thâm niên công tác trong ngành Thống kê từ 05 năm trở lên hoặc là nhà nghiên cứu, chuyên gia phân tích kinh tế; có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Đoàn đánh giá chất lượng do Trưởng đoàn phân công. Các thành viên Đoàn đánh giá chất lượng không được tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá chất lượng khi chưa được sự đồng ý của Trưởng đoàn.

**Điều 14. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê**

1. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê là hình thức đánh giá chất lượng thống kê do cơ quan thống kê Trung ương thực hiện thông qua Đoàn đánh giá chất lượng khi phát sinh vấn đề về chất lượng thống kê hoặc có dấu hiệu vi phạm về chất lượng thống kê.

2. Đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thống kê.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất chất lượng thống kê được thực hiện như tổ chức đánh giá độc lập chất lượng thống kê quy định tại khoản 3 Điều 11, Điều 12, Điều 13.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan thống kê Bộ, ngành, cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ quan thống kê cấp huyện sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước để tự đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan; nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng thống kê, thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về thực trạng chất lượng thống kê và hiệu quả hoạt động thống kê của cơ quan.

2. Trách nhiệm của cơ quan thống kê Trung ương

a) Tổ chức thực hiện đánh giá độc lập chất lượng thống kê, đánh giá đột xuất chất lượng thống kê, tự đánh giá chất lượng thống kê.

b) Hướng dẫn và theo dõi việc tự đánh giá chất lượng của các cơ quan thống kê; biên soạn tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng đánh giá chất lượng thống kê nhà nước theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Văn phòng Tổng Bí thư; * Văn phòng Chủ tịch nước; * Văn phòng Chính phủ; * Văn phòng Quốc hội; * Ban Tuyên giáo Trung ương; * UBVHGDTNTNNÐ của Quốc hội; * Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực; * Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; * Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); * Kiểm toán nhà nước; * Bộ trưởng (để báo cáo); * Như Ðiều 3; * Công báo; * Cổng TTĐT Chính phủ; * Cổng TTĐT Bộ GDÐT; * Lưu: VT, Vụ PC, TCTK (3 bản). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Chí Dũng** |